

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỤC NGẠN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về con  
chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Lê Văn Khiết.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Giáp Văn Phẩm.  
2. Bà Nguyễn Thị Thúy.

***Thư ký phiên toà:*** Ông Vũ Hữu Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà:***  
Ông Hoàng Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên toà số 38/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm: 1988. (Đơn xin vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện tại: Xóm N, xã N, huyện K, tỉnh Hoà Bình.

- Bị đơn: Anh Từ Khoóng C, sinh năm: 1987. (Vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh C kết hôn với nhau vào năm 2016, trước

khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Hoà Bình. Cưới xong Chị N về gia đình nhà anh C làm dâu ngay, anh chị chung sống tại Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận.

Đến khoảng tháng 01/2017 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh C hay rượu chè, không chịu làm ăn phát triển kinh tế chung, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thỉnh thoảng có đánh nhau. Gia đình họ hàng hai bên cũng có hòa giải cho vợ chồng nhưng không thành. Chị N đã về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 5/2021 đến nay. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Từ Khoáng C.

Về con chung: Chị N và anh C có 01 con chung là Từ Bảo Y, sinh ngày 21/8/2017. Hiện tại con đang ở với Chị N. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Từ Bảo Y.

Về cấp dưỡng: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/4/2022, ông Từ Văn Sắc là bố đẻ của anh Từ Khoáng C trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh C kết hôn với nhau vào năm 2016, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Hoà Bình. Cưới xong Chị N về gia đình nhà ông làm dâu ngay, anh chị chung sống tại Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng Chị N anh C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do không cùng nhau làm ăn kinh tế chung của vợ chồng. Gia đình cũng đã khuyên bảo hai vợ chồng nhưng không thành. Chị N có bỏ về nhà mẹ đẻ từ tháng 3/2021 đến nay chưa về qua nhà lần nào nữa

Về con chung: Chị N và anh C có 01 con chung là Từ Bảo Y, sinh ngày 21/8/2017. Hiện tại con đang ở với Chị N.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông không rõ hai vợ chồng có tài sản chung gì và công nợ chung gì.

Hiện nay anh Từ Khoáng C đi làm ở Hà Nội từ tháng 05/2022 đến nay. Tuy nhiên ông không biết rõ địa chỉ cụ thể của anh C và cũng không biết anh C làm gì ở đó. Anh C cũng liên hệ về với gia đình và bảo đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 07/3/2022, ông Từ Văn Đ trưởng thôn Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang trình bày anh C thường xuyên không có mặt tại địa phương, địa chỉ cụ thể địa phương không nắm được. Còn anh C và Chị N có mâu thuẫn gì không thì địa phương không rõ vì anh chị không báo cáo cho chính quyền địa phương.

Tại biên bản xác minh ngày 07/3/2022, ông Trương Văn T cung cấp anh Từ Khoáng C hiện vẫn có hộ khẩu thường trú tại Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 12/7/2022, Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn ban hành Công văn số 234/TA gửi Cục xuất nhập cảnh Bộ Công an đề nghị cung cấp thông tin xuất nhập cảnh đối với anh Từ Khoóng C, ngày 21/7/2022, Cục xuất nhập Cảnh Bộ công an đã gửi Công văn số 15094/QLXNC-P5 trả lời anh Từ Khoóng C không có thông tin xuất nhập cảnh.

Do vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn nên không ai trình bày quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N: Cho chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Từ Khoóng C.

Về con chung: Giao con chung là Từ Bảo Y, sinh ngày 21/8/2017 cho chị Bùi Thị N nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Từ Khoóng C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh Từ Khoóng C thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, công nợ chung không đặt ra xem xét vì đương sự không yêu cầu

Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Bùi Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn với anh Từ Khoóng C. Hiện nay anh Từ Khoóng C có hộ khẩu thường trú tại tổ Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, anh C không có thông tin xuất, nhập cảnh chứng tỏ anh C vẫn ở Việt Nam nhưng cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ

tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[1.2] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Từ Khoóng C không có mặt tại phiên tòa mặc dù đã tổng đạt hợp lệ và niêm yết công khai theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, theo Công văn số 15094/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh đối với anh Từ Khoóng C không có thông tin về việc cấp hộ chiếu, xuất nhập cảnh tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh. Đối với sự vắng mặt của nguyên đơn, tuy nhiên Chị N đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N và anh Từ Khoóng C kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Hoà Bình được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/11/2016. Do vậy xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua quá trình giải quyết vụ án cho thấy quan hệ vợ chồng giữa Chị N và anh C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, anh Từ Khoóng C có đánh Chị N. Gia đình anh C cũng cho rằng vợ chồng chị có mâu thuẫn cãi do không cùng nhau phát triển kinh tế. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa Chị N và anh C là có thật, việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh C và Chị N đã sống ly thân nhau được một thời gian, không quan tâm đến nhau nữa. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị N, cho cho chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Từ Khoóng C là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Chị Bùi Thị N và anh Từ Khoóng C có 01 con chung là Từ Bảo Y, sinh ngày 21/8/2017. Hội đồng xét xử xét thấy chị Bùi Thị N có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung. Hiện chị có công ăn việc làm ổn định đảm bảo điều kiện để nuôi con chung. Hơn nữa hiện tại anh Từ Khoóng C không có mặt tại địa phương và cũng không trình bày quan điểm của mình. Vì vậy giao con chung là Từ Bảo Y, sinh ngày 21/8/2017 cho chị Bùi Thị N nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung do đương sự không đề nghị nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

**Xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N: Cho chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Từ Khoóng C.**

**2. Về con chung:** Giao con chung là Từ Bảo Y, sinh ngày 21/8/2017 cho chị Lục Thị Sài nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Từ Khoóng C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh Từ Khoóng C thực hiện quyền này.

**3. Về án phí:** Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Bùi Thị N đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu số: 0010627 ngày 28 tháng 02 năm 2022. Khoản tiền này được chuyển thành án phí.

**4. Về quyền kháng cáo:** Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**Án xử công khai sơ thẩm./.**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã Nuông Dăn, huyện Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Lê Văn Khiết**

